

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG**

PHỤ LỤC 1A

Thực trạng số lượng, quy mô số hộ gia đình tại các thôn trên địa bàn xã tính đến ngày 20/5/2026
(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

STT	Tên thôn	Quy mô thôn					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
A	<i>l</i>	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng	9,824	2,456	33,968	2,179	0	28	66	
1	Thôn Đan Loan	371	92.75	1,263	83.96		2	5	83.96
2	Thôn Hoà Loan	485	121.25	1,538	128.68		2	4	128.68
3	Thôn Đạo Lâm	400	100.00	1,380	135.24		2	5	135.24
4	Thôn Dương Xá	425	106.25	1,373	120.52		2	4	120.52
5	Thôn Tùng Lâm	489	122.25	1,590	66.28		2	5	66.28
6	Thôn Thuý Lâm	500	125.00	1,421	88.02		2	5	88.02
7	Thôn Phạm Lâm	525	131.25	1,847	127.02		2	5	127.02
8	Thôn Đoàn Phú	621	155.25	2,009	114.31		2	5	114.31
9	Thôn La Xá	622	155.50	2,181	204.81		2	5	204.81
10	Thôn Đông	802	200.50	2,624	182.63		2	5	182.63
11	Thôn Đỗ Hạ	846	211.50	3,280	163.04		2	5	163.04
12	Thôn Đỗ Thượng	1124	281.00	4,395	213.50		2	5	213.50
13	Thôn Bùi Xá	1165	291.25	4,145	284.38		2	5	284.38
14	Thôn Đào Lâm	1449	362.25	4,922	266.35		2	3	266.35

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG**

PHỤ LỤC 1A

Tổng hợp thực trạng quy mô số hộ gia đình của thôn trên địa bàn xã

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Nguyễn Lương Bằg)

TT	Tên địa phương	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số đảng viên (người)	Số thôn hiện có				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó quy mô số hộ gia đình				
						Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%		Từ 100% trở lên
A	B	l	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Thôn Đan Loan	371	1,263	27	356			1		
2	Thôn Hoà Loan	485	1,538	66	433				1	
3	Thôn Đạo Lâm	400	1,380	48	378				1	
4	Thôn Dương Xá	425	1,373	44	418				1	
5	Thôn Tùng Lâm	489	1,590	39	392				1	
6	Thôn Thuý Lâm	500	1,421	22	325				1	
7	Thôn Phạm Lâm	525	1,847	47	518				1	
8	Thôn Đoàn Phú	621	2,009	59	592				1	
9	Thôn La Xá	622	2,181	49	602				1	
10	Thôn Đông	802	2,624	60	772				1	
11	Thôn Đỗ Hạ	846	3,280	80	829				1	
12	Thôn Đỗ Thượng	1124	4,395	62	1111				1	
13	Thôn Bùi Xá	1165	4,145	66	1149				1	
14	Thôn Đào Lâm	1449	4,922	79	1421				1	
Tổng		9824	33968	748	9296			1	13	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG**

PHỤ LỤC SỐ 2

Tổng hợp số lượng các tổ chức của thôn trên địa bàn xã

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

TT	Thôn	Số lượng thôn	Các tổ chức tại thôn																			Ghi chú	
			Trước khi sắp xếp thôn									Sau khi sắp xếp thôn											So sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp
			Tổng số	Trong đó								Tổng số	Trong đó										
				Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)		Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=13-4	23	
1	Thôn Đan Loan	1	9	1	1	1	1	1	1	1	2	9	1	1	1	1	1	1	1	2	0		
2	Thôn Hoà Loan	1	9	1	1	1	1	1	1	1	2												
3	Thôn Đạo Lâm	1	9	1	1	1	1	1	1	1	2												
4	Thôn Dương Xá	1	9	1	1	1	1	1	1	1	2												
5	Thôn Tùng Lâm	1	9	1	1	1	1	1	1	1	2												
6	Thôn Thủy Lâm	1	9	1	1	1	1	1	1	1	2												
7	Thôn Phạm Lâm	1	9	1	1	1	1	1	1	1	2												
8	Thôn Đoàn Phú	1	9	1	1	1	1	1	1	1	2												
9	Thôn La Xá	1	9	1	1	1	1	1	1	1	2												
10	Thôn Đông	1	9	1	1	1	1	1	1	1	2												
11	Thôn Đỗ Hạ	1	9	1	1	1	1	1	1	1	2												
12	Thôn Đỗ Thượng	1	9	1	1	1	1	1	1	1	2												
13	Thôn Bùi Xá	1	9	1	1	1	1	1	1	1	2												
14	Thôn Đào Lâm	1	9	1	1	1	1	1	1	1	2												
Tổng		14	126	14	14	14	14	14	14	14	28	117	13	13	13	13	13	13	13	13	26	0	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG**

PHỤ LỤC 3A

Danh sách người hoạt động không chuyên trách ở thôn trên địa bàn xã

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Thôn Đan Loan	2	=					1	1	0	0	0	0	0	
1	Trần Quang Huy	13/02/1974		1	Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn				1						
2	Trần Minh Khương	6/24/1977		1	Trưởng Ban công tác mặt			1							
II	Thôn Đạo Lâm	2						0	0	2	0	0	0	0	
1	Trần Thanh Thùy	10/10/1964		1	Bí thư chi bộ kiêm trưởng BCTMT thôn					1					
2	Nguyễn Hồng Kiệt	20/06/1961		1	Trưởng thôn					1					
III	Thôn Dương Xá	1						1	1	0	0	1	0	0	
1	Bùi Trọng Huyền	23/11/1983		1	Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn			1				1			

3	Đỗ Thị Bảy	11/16/1975	1	1	Phó BTCB kiêm Trưởng ban CT MTT, Chi hội trưởng Hội ND				1						
IV	Thôn Hoà Loan							0	1	1	0	0	0	0	
1	Vũ Kim Hiền	01/11/1972		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn				1						
2	Trương Thị Lợi	6/10/1965	1	1	Trưởng ban CTMT thôn					1					
V	Thôn Tùng Lâm	2						0	0	2	0	0	1	0	
1	Đào Đình Pha	28/09/1957		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn					1			1		
2	Nguyễn Thị Duyên	21/7/1961	1		Trưởng thôn					1					
VI	Thôn Thuý Lâm	2						1	0	1	0	0	0	0	
1	Nguyễn Văn Thành	20/01/1980		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn			1							
2	Trần Thị Thắm	03/07/1962	1	1	Trưởng thôn					1					
VII	Thôn Phạm Lâm	2						0	1	1	0	0	0	0	
1	Nguyễn Thị Hoa	06/06/1973	1	1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn				1						
2	Trương Mậu Hòe	04/09/1956		1	Trưởng thôn					1					
VIII	Thôn Đoàn Phú	2						0	2	0	0	0	1	0	
1	Phạm Văn Mãng	10/07/1971		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận				1				1		
2	Đỗ Đình Đại	01/02/1973		1	Trưởng thôn				1						

IX	Thôn La Xá	2						1	1	0	0	0	1	0	
1	Vũ Đình Soạn	24/04/1970		1	Bí thư chi bộ kiêm trưởng BCTMT thôn				1				1		
2	Ngô Thị Hiền	06/09/1982	1	1	Trưởng thôn			1							
X	Thôn Đông	2						1	1	0	0	1	0	0	
1	Phạm Thị Hoài	04/12/1981	1	1	Bí thư chi bộ kiêm trưởng BCTMT thôn			1				1			
2	Nguyễn Đức Phụng	05/03/1967		1	Trưởng thôn				1						
XI	Thôn Đỗ Hạ							0	0	2	0	0	0	0	
1	Phạm Minh Huế	09/10/1962		1	Bí thư chi bộ kiêm trưởng BCTMT thôn					1					
2	Phạm Hồng Nghĩa	19/02/1958		1	Trưởng thôn					1					
XII	Thôn Đỗ Thượng	2						1	0	1	0	0	0	0	
1	Nguyễn Duy Nghi	26/06/1981		1	Bí thư chi bộ kiêm trưởng BCTMT thôn			1							
2	Trần Văn Tuấn	10/27/1957		1	Trưởng thôn					1					
XIII	Thôn Bùi Xá	2						0	1	1	0	0	1	0	
1	Bùi Thế Sậu	01/10/1960		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận thôn								1		
2	Chu Công Tuấn	9/10/1972		1	Trưởng thôn kiêm thôn đội trưởng				1						
XIV	Thôn Đào Lâm	2						0	1	1	0	0	0	0	
1	Hoàng Văn Quảng	09/01/1959		1	Bí thư CB, kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1					
2	Hoàng Văn Soát	02/01/1969		1	Trưởng thôn				1						
Tổng			7	27				0	6	10	12	0	2	4	0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG**

PHỤ LỤC 3B

Danh sách người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn trên địa bàn xã

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Thôn Đan Loan	5	0	2		0	1	0	1	3	0	0	0	5	0
1	Trần Ngọc Vinh	4/28/1958		1	Phó Trưởng thôn kiêm Chi hội trưởng Hội ND					1				x	
2	Trần Văn Viên	8/10/1975			Thôn đội trưởng				1					x	
3	Phạm Thành Công	1994		1	Bí thư chi đoàn TN		1							x	
4	Vũ Thị Bích	1963			Chi hội trưởng Phụ nữ					1				x	
5	Nguyễn Văn Quân	1966			Chi hội trưởng Hội CCB					1				x	
II	Thôn Đạo Lâm	5	2	2		0	0	1	0	4	0	1	0	4	0
1	Nguyễn Xuân Mong	10/23/1957			Phó Trưởng thôn kiêm Chi hội trưởng Hội ND					1				x	
2	Nguyễn Văn Trinh	14/03/1960			Thôn đội trưởng					1				x	
3	Nguyễn Thị Hoa	2/20/1984	1	1	Bí thư chi đoàn TN			1				x			
4	Nguyễn Đức Kính	1/11/1962			Chi hội trưởng Hội CCB					1				x	
5	Trần Thị Liễu	3/5/1961	1	1	Chi hội trưởng Phụ nữ					1				x	
III	Thôn Dương Xá	4	1	2	4	0	1	1	1	1	0	0	2	2	0

1	Lê Văn Bình	1/14/1957			Phó Trưởng thôn kiêm Chi hội trưởng Hội CCB				1					x	
2	Vũ Thế Nho	4/14/1983		1	Thôn đội trưởng			1					x		
3	Vũ Đức Trung	1989		1	Bí thư chi đoàn TN		1						x		
4	Vũ Thị Đông	1964	1		Chi hội trưởng Phụ nữ				1					x	
IV	Thôn Hoà Loan	4	3	4	4	0	0	1	1	2	0	1	0	3	0
1	Vũ Kim Lương	6/23/1960		1	Phó Trưởng thôn				1					x	
2	Phạm Thị Duyên	10/3/1983	1		Thôn đội trưởng, kiêm Chi hội trưởng Hội ND, PN			1						x	
3	Nguyễn Thị Hoa	6/6/1994	1	1	Bí thư chi đoàn TN			1				x			
4	Vũ Kim Vĩnh	5/13/1905	1	1	Chi hội trưởng Hội CCB				1					x	
V	Thôn Tùng Lâm	5	1	3		0	2	0	2	1	0	1	0	4	0
1	Vũ Thị Dung	12/6/1988	1	1	Phó bí thư chi bộ, phó Trưởng thôn		1					x			
2	Nguyễn Công Nghĩa	1/4/1969			Thôn đội trưởng				1					x	
3	Phạm Văn Hoàn	2002		1	Bí thư chi đoàn TN		1							x	
4	Nguyễn Văn Triệu	2/20/1970		1	Chi hội trưởng Hội ND kiêm Chi hội trưởng Hội CCB				1					x	
5	Đỗ Thị tươi	1965			Chi hội trưởng Hội PN				1					x	
VI	Thôn Thuý Lâm	5	0	0		0	1	0	0	4	0	1	0	4	0
1	Trần Xuân Chiến	1/1/1954			Phó Trưởng thôn				1					x	
2	Nguyễn Tiến Liên	28/8/1959			Thôn đội trưởng				1					x	
3	Nguyễn Thu Phương	2002			Bí thư chi đoàn TN		1					x			
4	Đào Đình Chấm	1962			Chi hội trưởng Hội CCB kiêm Chi hội trưởng Hội ND				1					x	
5	Trần Thị Dám	1956			Chi hội trưởng phụ nữ				1					x	
VII	Thôn Phạm Lâm	5	1	1		0	1	0	1	3	0	0	0	5	0
1	Trần Văn Hiếu	4/26/1976		1	Phó thôn – Thôn đội trưởng kiêm Thôn đội trưởng				1					x	
2	Trương Văn Hiếu	12/19/2003			Bí thư chi đoàn TN		1							x	
3	Trần Danh Lâm	1/10/1960			Chi hội trưởng nông dân				1					x	

XII	Thôn Đỗ Thượng	5	0	2		0	1	0	2	2	0	1	0	4	0
1	Nguyễn Đức Tác	22/02/1961		1	Phó bí thư CB, Phó Trưởng thôn					1				x	
2	Nguyễn Văn Quang	10/8/1960			Thôn đội trưởng kiêm Chi hội trưởng Hội CCB					1				x	
3	Nguyễn Quang Tuyển	2/2/1973		1	Chi hội trưởng Hội ND				1					x	
4	Nguyễn Thị Hoan	8/21/1972			Chi hội trưởng Hội PN				1					x	
5	Phạm Thị Xoan	3/23/1987			Bí thư chi đoàn TN		1					x			
XIII	Thôn Bùi Xá	5	2	4		0	1	0	3	1	0	0	0	5	0
1	Vũ Văn Toàn	10/1/1971			Phó Trưởng thôn kiêm Chi hội trưởng Hội ND				1					x	
2	Chu Công Tuấn	9/10/1972		1	Thôn đội trưởng				1					x	
3	Nguyễn Thừa Hải	1962		1	Chi hội trưởng Hội CCB					1				x	
4	Nguyễn Thị Ngân	1990	1	1	Bí thư chi đoàn TN		1							x	
5	Nguyễn Thị Xuân	1973	1	1	Chi hội trưởng Hội PN				1					x	
XIV	Thôn Đào Lâm	3	0	2	2	0	1	0	1	1	0	0	2	1	0
1	Đỗ Tuấn Anh	06/06/1987		1	Phó Trưởng thôn kiêm Bí thư Chi đoàn TN, Chi hội trưởng Hội ND		1						x		
2	Nguyễn Văn Ngọt	24/6/1961		1	Thôn đội trưởng kiêm Chi hội trưởng Hội CCB					1			x		
3	Trương Thị Mong	5/8/1958	1		Chi hội trưởng Hội PN				1					x	
	Tổng số	66				0	13	4	18	31	0	8	5	53	0

Lưu ý: Số lượng người trong danh sách tại Phụ lục số 3B phải thống nhất với số lượng tại cột số 08 Phụ lục số 1A

Ngày tháng năm sinh
3
5
1958
1975
1994
1963
1966
1957
1960
1984
1962
1961

1975
1983
1989
1964
1960
1983
1994
1961
1988
1969
2002
1970
1965
1954
1959
2002
1962
1956
1976
2003
1960

1962
1961
1979
1973
1964
2005
1960
1972
1976
2003
1957
1959
1967
1959
1954
1969
1995
1963
1974
1966
1965
1998

1961
1960
1973
1972
1987
1971
1972
1962
1990
1973
1987
1961
1958

2026 68
2026 51
2026 32
2026 63
2026 60
2026 2026

2026 69
2026 66
2026 42

2026 64
2026 65
2026 2026

2026 51
2026 43
2026 37
2026 62
2026 2026
2026 66

2026 43
2026 32
2026 65
2026 2026

2026 38
2026 57
2026 24

2026 56
2026 61
2026 2026
2026 72
2026 67
2026 24

2026 64
2026 70
2026 2026

2026 50
2026 23
2026 66

2026 64
2026 65
2026 2026

2026 47
2026 53
2026 62
2026 21

2026 66
2026 2026

2026 54
2026 50
2026 23

2026 69

2026 67
2026 2026

2026 59
2026 67

2026 72
2026 57
2026 31

2026 63
2026 52

2026 60
2026 61
2026 28

2026 2026

2026 65

2026 66

2026 53

2026 54

2026 39

2026 2026

2026 55

2026 54

2026 64

2026 36

2026 53

2026 2026

2026 39

2026 65

2026 68

0

0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG**

PHỤ LỤC 4

Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

TT	Tên thôn	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Thực hiện sắp xếp, sáp nhập 02 thôn thành 01 thôn mới, giữ nguyên 12 thôn, sau sắp xếp có 13 thôn đảm bảo quy mô số hộ gia đình; giảm 01 thôn											
1	Thôn Đan Loan	371	1,263	83.96	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Đan Loan với thôn Hoà Loan để thành lập Thôn mới	796	2,636	204.48	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, 01 thôn có quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình; 01 thôn có quy mô trên 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	199
	Thôn Dương Xá	425	1,373	120.52							
2	Thôn Đạo Lâm	400	1,380	135.24	Giữ nguyên	400	1,380	135.24	01 Nhà văn hóa	Đảm bảo quy mô về số hộ gia đình	100
3	Thôn Hoà Loan	485	1,538	128.68	Giữ nguyên	425	1,373	120.52	01 Nhà văn hóa	Đảm bảo quy mô về số hộ gia đình	106.25
4	Thôn Tùng Lâm	489	1,590	66.28	Giữ nguyên	489	1,590	66.28	01 Nhà văn hóa	Đảm bảo quy mô về số hộ gia đình	122.25
5	Thôn Thuý Lâm	500	1,421	88.02	Giữ nguyên	500	1,421	88.02	01 Nhà văn hóa	Đảm bảo quy mô về số hộ gia đình	125
6	Thôn Phạm Lâm	525	1,847	127.02	Giữ nguyên	525	1,847	127.02	01 Nhà văn hóa	Đảm bảo quy mô về số hộ gia đình	131.25
7	Thôn Đoàn Phú	621	2,009	114.31	Giữ nguyên	621	2,009	114.31	01 Nhà văn hóa	Đảm bảo quy mô về số hộ gia đình	155.25
8	Thôn La Xá	622	2,181	204.81	Giữ nguyên	622	2,181	204.81	01 Nhà văn hóa	Đảm bảo quy mô về số hộ gia đình	155.5
9	Thôn Đông	802	2,624	182.63	Giữ nguyên	802	2,624	182.63	01 Nhà văn hóa	Đảm bảo quy mô về số hộ gia đình	200.5
10	Thôn Đỗ Hạ	846	3,280	163.04	Giữ nguyên	846	3,280	163.04	01 Nhà văn hóa	Đảm bảo quy mô về số hộ gia đình	211.5
11	Thôn Đỗ Thượng	1124	4,395	213.50	Giữ nguyên	1124	4,395	213.50	01 Nhà văn hóa	Đảm bảo quy mô về số hộ gia đình	281

TT	Tên thôn	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
12	Thôn Bùi Xá	1165	4,145	284.38	Giữ nguyên	1165	4,145	284.38	01 Nhà văn hóa	Đảm bảo quy mô về số hộ gia đình	291.25
13	Thôn Đào Lâm	1449	4,922	266.35	Giữ nguyên	1449	4,922	266.35	01 Nhà văn hóa	Đảm bảo quy mô về số hộ gia đình	362.25

Ghi chú : Liệt kê tất cả thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã, phường, đặc khu (bao gồm cả sắp xếp, tổ chức lại và giữ nguyên).

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG**

PHỤ LỤC 5
DANH SÁCH THÔN KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN
NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ XUẤT KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI
(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

STT	Tên thôn	Quy mô thôn					Lý do không thực hiện sắp xếp
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)	
A	1	2	3	4	5	6	9
1							
2							
3							

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG

PHỤ LỤC 6A

Tổng hợp số lượng, quy mô thôn sau khi sắp xếp trên địa bàn xã

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Số thôn hiện có	Số thôn tiến hành sắp xếp					Số thôn sau sắp xếp					Số lượng phương án sắp xếp			Số thôn chưa đảm bảo quy mô nhưng không thực hiện sắp xếp	Số thôn giảm sau khi sắp xếp	Số người HĐ KCT dự kiến giảm	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm	Trụ sở nhà văn hóa đôi dư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó quy mô				Tổng số	Trong đó quy mô				Sắp xếp 02 thôn	Sắp xếp 03 thôn	Sắp xếp từ 04 thôn trở lên						
				Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên		Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Xã Nguyễn Lương Bằng	14	2	0	0	1	1	13	0	0	0	13	1	0	0	0	1	2	4	Không đôi dư, đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG**

**PHỤ LỤC 6B
TỔNG HỢP DANH SÁCH THÔN KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN SAU SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI**

TT	Tên thôn	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					
					Phương án, tên thôn mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Thôn Đan Loan	371	1,263	83.96	Sáp nhập Thôn Đan Loan + Thôn Dương Xá thành thôn Dương Loan	796	2,636	204.48	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, 01 thôn có quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình; 01 thôn có quy mô trên 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân
	Thôn Dương Xá	425	1,373	120.52						

**Tỷ lệ % số hộ
của Thôn sau
sắp xếp so với
quy mô số hộ
gia đình theo
quy định**

12

199.00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG**

PHỤ LỤC 7

Tổng hợp thực trạng, phương án xử lý, bố trí trụ sở nhà văn hóa, khu thể thao sau sắp xếp thôn trên địa bàn xã
(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Nguyễn Lương Bằng)

TT	Tên thôn	Thuộc phương án sắp xếp thôn	Tổng số nhà văn hóa và khu thể thao hiện có			Số lượng dôi dư sau sắp xếp			Phương án xử lý, bố trí			Thuyết minh phương án xử lý, bố trí	Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác		
A		B	2	3	5	2			12	13	14	19	20
1	Thôn Đan Loan	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn số 01 với thôn số 02 để thành lập Thôn Dương Loan	4	2	2	2	1	1	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 01 nhà văn hóa; 01 sân đá bóng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa, vui chơi cộng đồng	
2	Thôn Dương Xá												